

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MÔ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/ HNGĐ - ST
Ngày: 31 tháng 10 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toan

Ông Lưu Xuân Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh là thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 08 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Mỹ H, sinh năm 1987

HKTT: Xóm 1, thôn ĐS, xã YM, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Hiện nay trú tại: Xóm B, thôn V, xã YN, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Phạm Kiến D, sinh năm 1984

Địa chỉ: Xóm 1, thôn ĐS, xã YM, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị H, anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2019, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Mỹ H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Kiến D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, dựa trên tình yêu và có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã YM. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Anh D nhiều lần dùng bạo lực đối với chị. Mặc dù vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng đời sống chung của vợ chồng vẫn không được hạnh phúc. Ngày 20/3/2019, do mâu thuẫn anh D đã hành hung, đánh chị, chị đã cho con về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh Phạm Kiến D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Ánh D1, sinh ngày 23/01/2017. Hiện nay cháu D1 đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D1 cho đến khi thành niên yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con là 3 triệu đồng một tháng như ý kiến của anh D khi làm việc với Tòa án tại biên bản hòa giải ngày 30/8/2019 và 11/10/2019.

Về tài sản chung: Chị và anh D sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Phạm Kiến D trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Tạ Mỹ Hòa trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được khoảng một năm rưỡi thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống. Đến ngày 20/3/2019 thì vợ chồng sống ly thân và không còn sống cùng nhau nữa. Chị H xin ly hôn, anh xác định tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Phạm Ánh D1. Khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D1, không đồng ý cho chị H nuôi con. Nếu anh được nuôi con thì không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu D1 thành niên.

Về tài sản chung và công nợ: Anh nhất trí như nội dung trình bày của chị H.

Tại Biên bản xác minh ngày 23 tháng 08 năm 2019 giữa Tòa án nhân dân huyện Yên Mô và Ủy ban nhân dân xã Yên Mạc về quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị Mỹ H và anh Phạm Kiến D, Ủy ban nhân dân xã YM cung cấp như sau: Chị Tạ Thị Mỹ H và anh Phạm Kiến D lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YM vào ngày 19/7/2019. Quá trình vợ chồng chị H, anh D chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Khoảng tháng 3 năm 2019 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị H tại thôn Vĩnh Lộc, xã YN ở, còn anh D vẫn sinh sống tại xã Yên Mạc. Vợ

chồng chị H, anh D đã sống ly thân khoảng gần 1 năm. Chị H và anh D có một con chung là cháu Phạm Ánh D1, sinh ngày 23/01/2017, hiện nay cháu D1 đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Đối với các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tạ Thị Mỹ H

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Mỹ H và anh Phạm Kiến D.

Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị Mỹ H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Ánh D1, sinh ngày 23/1/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh D về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H số tiền 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu D1 thành niên.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H và anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn, anh D phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Tạ Thị Mỹ H và anh Phạm Kiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YM đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Từ tháng 3 năm 2019 hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị H và anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều đồng ý ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận

cho chị H và anh D thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Chị H và anh D có một con chung là cháu Phạm Ánh D1, chị H và anh D đều có yêu cầu trực tiếp được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh D đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D1, hiện cháu D1 còn nhỏ, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D1 cần chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa anh D vẫn giữ nguyên quan điểm, nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi dưỡng anh sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị H với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng một tháng cho đến khi cháu D1 thành niên, do đó cần ghi nhận sự tự nguyện của anh D đối với việc cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh D tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về công nợ: Chị H và anh D không có công nợ chung, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H và anh D thuận tình ly hôn, chị H tự nguyện nộp án phí ly hôn theo quy định, vì vậy chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 và Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tạ Thị Mỹ H và anh Phạm Kiến D.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Tạ Thị Mỹ H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Ánh D1, sinh ngày 23/01/2017 cho đến khi cháu D1 thành niên. Anh Phạm Kiến D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phạm Ánh D1 được sống chung với chị Tạ Thị Mỹ H, anh Phạm Kiến D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Tạ Thị Mỹ H và các thành viên trong gia đình không được

cản trở anh Phạm Kiến D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Kiến D về việc cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H 3.000.000đ (Ba triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu Phạm Ánh D1 thành niên.

Kể từ ngày chị Tạ Thị Mỹ H có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh Phạm Kiến D không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn: Chị Tạ Thị Mỹ H phải nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA0002148 ngày 06/8/2019 tại Cơ quan chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô, chị H còn được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con: anh Phạm Kiến D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Mô;
- Chi cục THADS huyện Yên Mô;
- UBND xã YM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN
Phạm Diệu Oanh**

(Đã ký)

